

Số: 12/2025/QĐST-DS

Sông Công, ngày 09 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 26, 147, khoản 5 Điều 211, khoản 1 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 117; 298, 299; 317, 318, 319, 323, 351, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng Nghị định số 163/2006/NĐ –CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 14/2025/TLST- DS ngày 10 tháng 3 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ngân hàng TMCP V,

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, Tp Hà Nội

Đại diện uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc H – chuyên viên,

Địa chỉ: Tầng D, Tòa nhà V, số B N, phường N, TP ., tỉnh Bắc Giang.

2. Công ty cổ phần M1

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà V, số I D, phường D, Quận C, TP ..

Đại diện ủy quyền: Ông Hoàng Văn D – chuyên viên,

Địa chỉ: Tầng D, số B đường N, phường N, TP B, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: 1. Anh Trần Mạnh H1, sinh năm 1993,

Địa chỉ: TDP T, phường L, TP S, Thái Nguyên.

2. Chị Triệu Thị T, sinh năm 2001,

ĐKHKT cũ: TDP T, phường L, TP S, Thái Nguyên.

ĐKHKT mới: Thôn Khuổi Đeng 1, xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn

Tạm trú: Tổ 18, phường Sông Cầu, TP Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Mạnh H1 và chị Triệu Thị T có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền vay nợ gốc và lãi tính đến ngày 01/4/2025 cụ thể như sau:

2.1. Thanh toán cho Công ty cổ phần M1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 01/4/2025 là: 7.417.707.172 đồng (trong đó: nợ gốc 5.863.954.800 đồng; nợ lãi: 1.456.184.134 đồng; lãi chậm trả: 97.568.238 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng cho vay số LN2210187129983 ngày 24/10/2022 số tiền là: 6.603.189.155 đồng theo các Khế ước nhận nợ đã ký (trong đó: nợ gốc 5.362.486.514 đồng; nợ lãi 1.149.710.617 đồng; lãi chậm trả 90.992.024 đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ ký ngày 27/10/2022 (Viết tắt: LD2230201130), tổng số tiền là: 325.566.990 đồng (trong đó: nợ gốc 231.232.918 đồng; nợ lãi 87.757.858 đồng; lãi chậm trả 6.576.214 đồng).

- Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 13/10/2022, (Viết tắt: 251-P-5370107). Tổng số tiền là: 488.951.027 đồng (trong đó: nợ gốc 270.235.368 đồng; nợ lãi 218.715.659 đồng).

2.2. Thanh toán cho Ngân hàng V1 tổng số tiền nợ tính đến ngày 01/4/2025 là: 769.861.793 đồng (trong đó: nợ gốc 621.524.381 đồng; nợ lãi 137.496.497 đồng; lãi chậm trả 10.840.915 đồng. Trong đó:

- Hợp đồng cho vay số LN2210187129983 ngày 24/10/2022 số tiền là: 733.687.684 đồng theo các Khế ước nhận nợ đã ký (trong đó: nợ gốc 595.831.835 đồng; nợ lãi 127.745.624đồng; lãi chậm trả 10.110.225 đồng).

- Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBD, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ Ngân hàng Đ ký ngày 27/10/2022, (Viết tắt: LD2230201130). Tổng số tiền là: 36.174.110đồng (trong đó: nợ gốc 25.692.546 đồng; nợ lãi 9.750.873đồng; lãi chậm trả 730.690 đồng).

3. Phương thức và thời hạn thanh toán: Trả một lần cho Công ty cổ phần M1 và Ngân hàng V1 vào ngày 01/6/2025.

3.1. Kể từ ngày 02/4/2025 khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2. Trường hợp anh H1, chị T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số nợ như đã nêu ở trên vào ngày 01/6/2025 thì Ngân hàng V1 và Công ty M1 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là: Toàn bộ Quyền sử dụng đất, quyền sở nhà ở và tài sản khác gắn liền đối với thửa đất số 202, tờ bản đồ số 23, tại địa chỉ: xóm B, xã T, huyện P, Thái Nguyên (nay là thành Phố P, tỉnh Thái Nguyên) được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 843097, Số vào sổ cấp GCN: 3824/QSDĐ/10.166/QĐ-UBND do UBND huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 17/10/2014 mang tên Diệp Văn M và Lê Thị N. Ngày 27/12/2021 chuyển nhượng toàn bộ thửa đất cho anh Trần Mạnh H1 (không in giấy CNQSD đất mới)

+ Hợp đồng thế chấp số 7129983, số Công chứng 9159, Quyền số 10/2022 TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 24/10/2022 tại Văn phòng C thành phố tỉnh Thái Nguyên và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mọi công trình, tài sản khác được cải tạo, xây dựng gắn liền với thửa đất nêu trên đều thuộc tài sản đảm bảo cho khoản vay.

3.3. Trường hợp số tiền thu được từ việc bán, xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì anh H1, chị T tiếp tục có trách nhiệm thanh toán cho đến khi tất toán xong khoản nợ trên.

4.Về chi phí tố tụng: Chị T, anh H1 phải thanh toán cho Công ty cổ phần M1 số tiền chi phí tố tụng là 12.000.000đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5.Về án phí: Bà Triệu Thị T, ông Trần Mạnh H1 phải chịu 58.094.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch nộp vào Ngân sách nhà nước tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

Hoàn trả Ngân hàng V1 16.772.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000901 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên;

Hoàn trả Công ty cổ phần M1 57.532.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000900 ngày 10/3/2025 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

6.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPSC TN;
- Chi cục THADS TPSC TN;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Thị Lan Anh

